

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TẠ THỊ PHƯƠNG LOAN

KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG
TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP
TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
PHƯƠNG ĐÔNG - CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

Chuyên ngành: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
Mã số: 60.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SỸ
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Đà Nẵng – Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. ĐẶNG TÙNG LÂM**

Phản biện 1: TS. HỒ HỮU TIẾN

Phản biện 2: TS. HỒ VIẾT TIẾN

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng họp tại Đắc Lắc vào ngày 2 tháng 10 năm 2016

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

- Hoạt động cho vay là hoạt động truyền thống và mang lại lợi nhuận chính cho các Ngân hàng thương mại từ 70% đến 80% đồng thời cũng là hoạt động tiềm ẩn nhiều rủi ro nhất ảnh hưởng đến hoạt động và phát triển của các Ngân hàng thương mại.

- Chính vì thế chất lượng của các khoản vay, quản trị tốt các khoản vay đóng vai trò quyết định đến hoạt động, sự tồn tại và phát triển của các Ngân hàng thương mại. Quản trị rủi ro cho vay khách hàng doanh nghiệp trở thành yêu cầu cấp thiết trong tình hình kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam có những biến động khôn lường, khi những yếu tố và nguyên nhân gây ra rủi ro trong hoạt động cho vay ngày càng đa dạng và phức tạp. Trong quản trị rủi ro thì hoạt động kiểm soát rủi ro là một nội dung rất quan trọng và còn nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết nhất bởi đây là công tác thực hiện trong tác nghiệp nhằm ngăn ngừa, né tránh, giảm thiểu rủi ro để đảm bảo an toàn cho hoạt động của một ngân hàng.

- Từ những vấn đề được đặt ra như trên, tôi quyết định chọn nội dung “Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – chi nhánh Đắk Lắk” là đề tài nghiên cứu cho luận văn Thạc sỹ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa các vấn đề cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp tại các Ngân hàng thương mại.

- Đánh giá công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk.

- Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm kiểm soát tốt hơn rủi ro tín dụng trong cho vay khách hàng doanh nghiệp tại ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng: Đề tài nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk. Phạm vi:

+ Về nội dung của đề tài: Kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại OCB Đắk Lắk.

+ Về thời gian: giai đoạn 2013-2015

4. Câu hỏi nghiên cứu

- Nội dung của hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp là gì? Những tiêu chí nào để đánh giá kết quả kiểm soát rủi ro tín dụng?

- Công tác kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Phương Đông- Chi nhánh Đắk Lắk đã được thực hiện như thế nào? Đã đạt được những kết quả gì? Còn tồn tại những vấn đề gì?

- Những giải pháp nào để hoàn thiện công tác rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Phương Đông- Chi nhánh Đắk Lắk?

5. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng các phương pháp tổng hợp và phân tích, phương pháp phân tích thống kê, phương pháp so sánh sự biến động của các dãy số qua các năm, phương pháp lịch sử và phương pháp logic.

6. Kết cấu luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng về kiểm soát rủi ro trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Phương Đông- CN Đắk Lắk.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Phương Đông- Chi nhánh Đắk Lắk.

7. Tổng quan tài liệu tham khảo

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. TỔNG QUAN VỀ RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Cho vay doanh nghiệp

a. Khái niệm cho vay doanh nghiệp của NHTM

b. Đặc điểm cho vay doanh nghiệp

1.1.2. Rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

a. Khái niệm rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

b. Đặc điểm của rủi ro tín dụng

- Rủi ro mang tính gián tiếp.
- Rủi ro có tính chất đa dạng và phức tạp.
- RRTD có tính tất yếu luôn tồn tại gắn liền với hoạt động tín dụng của NHTM.

c. Nguyên nhân rủi ro tín dụng

❖ *Những nguyên nhân thuộc về năng lực quản trị của ngân hàng*

+ Do chính sách tín dụng không chặt chẽ, không rõ ràng

+ Sự yếu kém của đội ngũ cán bộ bao gồm cả về năng lực và phẩm chất đạo đức.

+ Ngân hàng quá chú trọng về lợi tức.

+ Do sự cạnh tranh không lành mạnh với các ngân hàng khác để mong muốn có tỷ trọng cho vay nhiều hơn.

+ Thiếu giám sát và quản lý sau khi cho vay.

❖ *Những nguyên nhân thuộc về phía khách hàng*

+ Khách hàng cố ý gian lận, lừa đảo về số liệu, giấy tờ, quyền sở hữu tài sản. Việc khách hàng gian lận gây rủi ro cho ngân hàng còn thể hiện qua những hoạt động của người đi vay có tư cách kém như cố tình không trả nợ ngân hàng hoặc lừa đảo ngân hàng rồi bỏ trốn.

+ Trường hợp khách hàng có trình độ kém, năng lực quản lý yếu nên không thể đưa ra phương án kinh doanh của mình đạt hiệu quả nên việc trả nợ ngân hàng là rất khó khăn.

❖ *Nguyên nhân khác:*

+ Môi trường tự nhiên: Có những biến đổi về thời tiết, khí hậu, khi có thiên tai xảy ra điều này khiến các ngân hàng phải đối mặt với nguy cơ RRTD cao.

+ Tình hình chính trị không ổn định sẽ làm mất lòng tin của dân chúng, nhà đầu tư trong và ngoài nước, các DN và ngân hàng.

+ Môi trường pháp lý: Một khuôn khổ pháp lý đồng bộ, nhất quán điều chỉnh các hoạt động kinh tế là điều kiện cần thiết đảm bảo cho thị trường hoạt động hiệu quả.

+ Môi trường kinh tế: Khi nền kinh tế tăng trưởng và ổn định thì hoạt động tín dụng tăng trưởng, ít rủi ro và ngược lại.

d. Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng và nền kinh tế xã hội

e. Quản trị rủi ro tín dụng của NHTM

❖ Khái niệm về quản trị RRTD trong cho vay doanh nghiệp

❖ Nội dung của quản trị RRTD trong cho vay doanh nghiệp

Quá trình quản trị rủi ro tín dụng gồm 04 nội dung: Nhận dạng, đo lường, kiểm soát và tài trợ RRTD.

1.2. KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Khái niệm kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

Là việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược và những quá trình nhằm chủ động điều khiển, biến đổi rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của ngân hàng bằng cách kiểm soát tần suất, mức độ rủi ro và tổn thất trong giới hạn tự định.

1.2.2. Đặc điểm kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

- Kiểm soát rủi ro tín dụng là hoạt động được thực hiện nhằm giảm thiểu rủi ro trước khi rủi ro xảy ra.

- Đối với khách hàng DN thì thông tin khá đầy đủ, từ đó kết quả XHTDNB và công tác thẩm định thường tốt hơn. Do vậy, việc né tránh RRTD thông qua việc lựa chọn khách hàng vay tốt, ít có nguy cơ rủi ro sẽ được thực hiện có hiệu quả hơn.

- Số lượng khách hàng DN vay ít nên CBTD dễ dàng hơn trong công tác giám sát sau cho vay, điều này giúp cho việc ngăn ngừa RRTD trong cho vay DN được thực hiện tốt hơn.

- TSĐB của DN vay vốn thường đa dạng và có giá trị lớn, vì vậy khi RRTD xảy ra thì việc xử lý TSĐB để thu hồi nợ thường khó khăn hơn.

- Khả năng thiệt hại, tổn thất khi có RRTD xảy ra trong cho vay DN thường nhiều hơn so với quy mô các khoản vay lớn hơn.

1.2.3. Nội dung kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp của Ngân hàng thương mại

a. Né tránh rủi ro trong cho vay doanh nghiệp

- Lựa chọn khách hàng cho vay thông qua kết quả XHTDNB.
- Lựa chọn cơ hội cho vay thông qua thẩm định hồ sơ vay vốn.

b. Ngăn ngừa rủi ro trong cho vay doanh nghiệp

- Thực hiện phân quyền phán quyết tín dụng.
- Xây dựng chính sách, quy trình cho vay chặt chẽ.
- Thu nợ trước hạn.
- Kiểm tra sau khi cho vay.

c. Giảm thiểu tổn thất trong cho vay doanh nghiệp

- Áp dụng hình thức, quy trình cho vay.
- Giảm hạn mức cho vay, tạm dừng và chấm dứt cho vay.
- Hạn chế tổn thất bằng việc áp dụng các điều khoản trong nội dung hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm tiền vay.
- Định giá khoản vay.
- Áp dụng các biện pháp bảo đảm tiền vay.
- Trích lập dự phòng rủi ro.

d. Chuyển giao rủi ro và đa dạng hóa rủi ro

- Chuyển giao rủi ro cho người kinh doanh rủi ro (các công ty bảo hiểm).
- Sử dụng công cụ phái sinh.
- Chứng khoán hóa.
- Đa dạng hóa trong đầu tư tín dụng.

1.2.4. Các tiêu chí đánh giá kết quả kiểm soát RRTD

a. Cơ cấu dư nợ cho vay DN theo mức độ rủi ro

b. Tỷ lệ nợ xấu trong cho vay DN trên tổng dư nợ cho vay DN

c. Chỉ tiêu về tỷ lệ xóa nợ rỗng

d. Mức giảm tỷ lệ lãi treo

e. Tỷ lệ dự phòng rủi ro cụ thể trong cho vay DN trên tổng dư nợ cho vay DN

1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm soát rủi ro tín dụng trong cho vay doanh nghiệp

a. Nhân tố bên trong

b. Nhân tố bên ngoài

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG
CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP
PHƯƠNG ĐÔNG CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.1. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.2. THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.2.1. Hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp tại OCB Đắk Lắk

2.2.2. Thực trạng sử dụng các phương thức kiểm soát rủi ro

a. Mục tiêu kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp của OCB Đắk Lắk giai đoạn 2013 – 2015

Với những kết quả đạt được trong những năm qua, đồng thời dựa trên tình hình thực tế nền kinh tế, xã hội địa phương, định hướng chung của OCB, Chi nhánh xây dựng mục tiêu kiểm soát RRTD trong giai đoạn 2013 – 2015 như sau:

Bảng 2.1. Kế hoạch kiểm soát RRTD trong giai đoạn 2013 – 2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên chỉ tiêu	KH 2013	KH 2014	KH 2015
1	Tỷ lệ nợ xấu/TDN (%)	1,5%	0,5%	0,3%
2	Tỷ lệ nợ nhóm II/TDN (%)	1%	1%	1%
3	Số tiền trích lập DPRR	4.000	3.000	4.500
4	Dư lãi treo nội bảng	4.000	3.000	2.000
5	KH thu hồi nợ XLRR trong kỳ	800	1.000	1.500

Nguồn: OCB Đắk Lắk

Nhìn chung, chỉ tiêu kế hoạch được Chi nhánh xây dựng tương đối chi tiết và vừa tầm. Tuy nhiên, mục tiêu được xây dựng trên cơ

sở dữ liệu quá khứ, việc xây dựng chưa căn cứ vào các điều kiện kinh doanh của Chi nhánh trong từng thời kỳ, chưa bám sát với thực tế hoạt động của Chi nhánh; do vậy, chưa phù hợp với tình hình kinh doanh của Chi nhánh trên địa bàn.

b. Các biện pháp OCB Đắk Lắk thực hiện để kiểm soát RRTD trong cho vay doanh nghiệp

❖ Nhóm phương thức nhằm né tránh rủi ro

Tại OCB Đắk Lắk, việc né tránh rủi ro được thực hiện thông qua việc xác định mức độ rủi ro của khách hàng theo nguyên tắc khách hàng có mức độ rủi ro càng thấp, cơ chế ưu đãi cho khách hàng càng cao.

★ Phân khúc nhóm khách hàng doanh nghiệp:

★ Thẩm định khách hàng:

Công tác thẩm định khách hàng được thực hiện bởi chuyên viên Quan hệ khách hàng tại chi nhánh. Nội dung thẩm định khách hàng doanh nghiệp bao gồm 5 nội dung chính: thẩm định pháp lý, năng lực; thẩm định tình hình tài chính; thẩm định tình hình quan hệ tín dụng tại các TCTD khác; thẩm định phương án vay vốn nhằm đánh giá khách hàng có khả năng trả được nợ hay không; thẩm định tài sản đảm.

★ Xếp hạng tín dụng nội bộ

OCB Đắk Lắk đã thực hiện công tác xếp hạng khách hàng đầy đủ trước khi cho vay và tiến hành đánh giá lại định kỳ. Hệ thống xếp hạng tín dụng của OCB sẽ đánh giá các chỉ tiêu đối với khách hàng doanh nghiệp theo thứ tự như sau: A3,A4, A5, B1, B1, B3, B4, B5, C1, C2, C3, C4, C5

⇒ Đánh giá về hoạt động né tránh rủi ro tại OCB Đắk Lắk

Với các hoạt động nhằm né tránh rủi ro tại chi nhánh góp phần đáng kể cho chi nhánh trong việc lựa chọn khách hàng được khách hàng tốt để ra quyết định tín dụng tương ứng với từng khách hàng

được xếp hạng, góp phần đánh giá được rủi ro của khách hàng, sàng lọc được khách hàng không đạt yêu cầu để từ chối cho vay, góp phần nâng cao chất lượng kiểm soát rủi ro tín dụng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn bộc lộ một số mặt còn hạn chế như sau:

Đối với công tác thẩm định tín dụng:

- Thẩm định pháp lý, năng lực vẫn chưa được chặt chẽ.
- Thẩm định tình hình tài chính chưa được thực hiện một cách hữu hiệu.

- Thẩm định tình hình quan hệ tín dụng chưa nắm bắt được chính xác về tình hình của khách hàng.

- Thẩm định phương án vay vốn: công tác thẩm định còn dựa vào cảm tính, đánh giá qua sự cảm nhận chủ quan của CBTD đối với khách hàng vay. Ngoài ra, trên báo cáo cấp tín dụng của OCB Đắc Lắc hiện tại thì đa phần chưa nêu ra được cụ thể các rủi ro có thể xảy ra trong việc cho vay khách hàng, chất lượng thông tin thẩm định còn hạn chế, nguồn thông tin còn chưa đảm bảo tính chính xác.

- Thẩm định tài sản đảm bảo: Việc xác định giá trị tài sản bảo đảm khoản vay còn nặng tính chủ quan.

Đối với hoạt động xếp hạng tín dụng:

OCB Đắc Lắc đã thực hiện công tác xếp hạng khách hàng đầy đủ trước khi cho vay, tuy nhiên việc tiến hành đánh giá lại theo định kỳ hàng quý vẫn chưa được chú trọng thực hiện đầy đủ dẫn đến kết quả chấm điểm không chính xác, ảnh hưởng đến kết quả phân loại nợ để trích lập dự phòng RRTD. Bên cạnh đó cách thức xếp hạng khách hàng hiện nay chưa phù hợp với thực tế hoạt động của chi nhánh, nhất là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ (khách hàng mục tiêu của OCB Đắc Lắc) dẫn đến chưa hỗ trợ và phát huy đầy đủ cho hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng nhưng cũng góp phần đáng kể cho Chi nhánh trong việc lựa chọn khách hàng và ra quyết định tín dụng.

❖ *Nhóm phương thức nhằm ngăn ngừa rủi ro.*

Hiện tại, ở mỗi giai đoạn của hoạt động cho vay, OCB đều có chốt kiểm tra, kiểm soát tại hội sở - tập trung tại phòng Kiểm soát giải ngân tín dụng, phòng Quản lý tài sản bảo đảm và Trung tâm Tái thẩm định – phê duyệt tín dụng. Đối với công tác giải ngân, mọi chứng từ đều phải được phòng Kiểm soát giải ngân kiểm tra, kiểm soát trước khi giải ngân cho khách hàng.

Để kiểm soát quá trình cho vay, định kỳ (theo quy định của OCB là 03 năm/lần) sẽ có các đợt kiểm tra trực tiếp các khoản vay tại chi nhánh do phòng Giám sát tín dụng và/hoặc phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện. Ngoài ra, sau khi giải ngân, các hồ sơ (hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, khế ước nhận nợ, ủy nhiệm chi thanh toán) đều phải được chuyển sang phòng Kế toán để chấm hậu kiểm.

* Ngân hàng Phương Đông có quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng, trong đó có quy định cụ thể về giới hạn cấp tín dụng đối với một khách hàng và một nhóm khách hàng có liên quan.

* Dựa trên kết quả phân khúc khách hàng, OCB đã xác định giới hạn cấp tín dụng cho khách hàng, tỷ lệ tham gia tài trợ vốn của các TCTD vào phương án kinh doanh, thời hạn cho vay.

* Hoạt động kiểm tra sau khi cho vay tại chi nhánh được thực hiện gồm các biện pháp sau: Theo dõi khoản vay để kịp thời đôn đốc thu hồi nợ; kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay, vật tư đảm bảo nợ vay; theo dõi, thu thập thông tin bổ sung, kiểm tra phân tích hiệu quả vốn vay, theo dõi và phân tích tình hình thực hiện kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh/dự án đầu tư, và tình hình tài chính của khách hàng thông qua báo cáo định kỳ của khách hàng, qua tiếp xúc viếng thăm khách hàng và các nguồn khác.

➔ Đánh giá về công tác ngăn ngừa rủi ro tại OCB Đắk Lắk:

Thành công: Đối với quy định về việc cấp tín dụng cho khách

hàng và nhóm khách hàng liên quan, trong quá trình thực hiện OCB Đắc Lắc đã thực hiện tuân theo tỷ lệ quy định tại thông tư 06/2016/TT-NHNN trước khi quy định này được ban nên rủi ro liên quan đến nhóm khách hàng đã được hạn chế một cách tối đa.

Hạn chế

Kiểm soát chỉ dựa trên các hồ sơ, chứng từ do chi nhánh sao chụp gửi về hệ thống kiểm tra nên sẽ có rủi ro khi chi nhánh cố ý làm giả hồ sơ nhằm mục đích giải ngân cho khách hàng.

Công tác thực hiện kiểm soát sau cho vay được thực hiện một cách thụ động, sơ sài, mang tính chất đối phó nhiều hơn do áp lực về chỉ tiêu kinh doanh, phát triển khách hàng mới... Bên cạnh đó, công việc này hiện nay được thực hiện phụ thuộc rất lớn vào số liệu và tình hình hoạt động do khách hàng cung cấp, chi nhánh gặp nhiều khó khăn trong kiểm chứng tính xác thực do vậy chưa đáp ứng được về mặt hiệu quả, dẫn đến Chi nhánh thiếu chủ động và kịp thời trong việc đưa ra giải pháp khắc phục.

❖ *Nhóm phương thức giảm thiểu rủi ro.*

Các biện pháp đảm bảo tiền vay: Theo quy định của OCB, tất cả các khoản vay của chi nhánh đều có tài sản đảm bảo, không có dư nợ vay tín chấp. Hiện nay, OCB đã có quy định về việc phân loại tài sản bảo đảm, dựa trên việc phân loại tài sản bảo đảm này kết hợp với kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ và phân khúc khách hàng mà OCB Đắc Lắc xây dựng các chính sách cấp tín dụng phù hợp như tỷ lệ cho vay dựa trên tài sản bảo đảm, tỷ lệ cho vay tín chấp, tỷ lệ cho vay dựa trên khoản phải thu và hàng tồn kho...

Định giá khoản vay để áp dụng lãi suất cho vay: Hiện tại, việc áp dụng lãi suất cho vay đối với từng khoản vay cho vay tại OCB Đắc Lắc được căn cứ trên các tiêu chí như: lãi suất quy định tối thiểu đối với từng sản phẩm; kỳ hạn của khoản vay (ngắn, trung, dài hạn); theo đề xuất của bộ phận kinh doanh.

Áp dụng các điều khoản hợp đồng: Hiện nay, tại Chi nhánh việc soạn thảo hợp đồng tín dụng và hợp đồng đều dựa vào mẫu soạn sẵn OCB, trong nội dung hợp đồng thể hiện được các nội dung cơ bản như: số tiền vay, phương thức cho vay, lãi suất, thời hạn, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay và bên vay, tài sản bảo đảm, cách thức giải quyết tranh chấp và yêu cầu chi nhánh bổ sung thêm các điều kiện khác nhằm áp dụng riêng cho từng khách hàng cụ thể.

- Nhận xét: Công tác quản lý tài sản đảm bảo còn tồn tại một số mặt hạn chế: chưa chủ động trong việc theo dõi sự biến động trong giá trị, hiện trạng tài sản bảo đảm, định giá tài sản định kỳ hoặc đột xuất nếu không có sự giám sát và yêu cầu của phòng Giám sát tín dụng và phòng Quản lý tài sản bảo đảm. Việc định giá tài sản sau cho vay được thực hiện sơ sài, mang tính chất đối phó.

Công tác định giá khoản vay chưa được triển khai thực hiện tại chi nhánh. Chính vì vậy, lãi suất áp dụng cho từng khoản vay chỉ được thực hiện theo quy định chung, chưa tương ứng với mức độ rủi ro của khoản vay đó, chưa có sự phân loại khoản vay và áp dụng các chính sách khác nhau giữa các khoản vay có mức độ rủi ro khác nhau, đối với các khoản vay có mức độ rủi ro cao vẫn chưa áp dụng phần bù rủi ro vào lãi suất cho vay.

Việc soạn thảo hợp đồng cho vay được thực hiện theo mẫu soạn thảo sẵn, áp dụng chung cho tất cả các khách hàng, không có quy định điều kiện và các điều khoản riêng cho từng khách hàng.

❖ *Nhóm phương thức chuyển giao và đa dạng hóa rủi ro.*

Mua bảo hiểm tín dụng và bảo hiểm tài sản: Tại chi nhánh chỉ thực hiện yêu cầu doanh nghiệp mua bảo hiểm như là một điều kiện cho vay chủ yếu đối với tài sản bảo đảm mà pháp luật bắt buộc.

Thực hiện bảo lãnh ngân hàng, sử dụng công cụ phái sinh và chứng khoán hóa khoản vay: Ngân hàng Phương Đông chi nhánh Đắk Lắk chưa triển khai các biện pháp này.

Mua bán nợ thông qua Công ty Quản lý Tài sản của Các Tổ chức Tín dụng Việt Nam (VAMC): Hiện tại, công tác bán nợ xấu thuộc nhóm khách hàng doanh nghiệp cho VAMC được thực hiện tuy nhiên còn khá hạn chế tại OCB Đắk Lắk vì nhận thấy hoạt động bán nợ cho VAMC về bản chất không thực sự mang lại hiệu quả. Có 2 nguyên nhân có thể nêu ra như sau: Nợ xấu đã được bán cho VAMC nhưng các TCTD vẫn trực tiếp xử lý, chưa tách bạch rõ ràng chủ thể mua nợ và chủ thể bán nợ nên hiệu quả xử lý nợ của VAMC còn thấp. Nếu bán nợ cho VAMC, các TCTD sẽ phải thực hiện trích lập dự phòng hàng năm 20% giá trị trái phiếu VAMC trong 5 năm. Như vậy, các TCTD sẽ không còn được chủ động trong việc trích lập dự phòng đối với các khoản nợ đã bán cho VAMC, trong khi số nợ bán cho VAMC càng nhiều đồng nghĩa với số tiền trích lập dự phòng càng lớn, chi phí tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các TCTD.

Đa dạng hóa ngành nghề và lĩnh vực cho vay.

2.3.KẾT QUẢ KIỂM SOÁT RỦI RO TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI OCB ĐẮK LẮK

2.3.1. Sự cải thiện cơ cấu nhóm nợ

Bảng 2.2. Sự cải thiện cơ cấu nhóm nợ tại OCB Đắk Lắk

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
Nợ nhóm 1	247.673	98,20%	569.563	98,52%	993.819	99,56%
Nợ nhóm 2	427	0,17%	5.350	0,93%	3.519	0,35%
Nợ nhóm 3	250	0,10%	699	0,12%	0	0%
Nợ nhóm 4	3.865	1,53%	2.265	0,39%	0	0%
Nợ nhóm 5	0	0 %	223	0,04%	882	0,09%

(Nguồn: OCB Đắk Lắk)

Tỷ lệ nợ xấu tại chi nhánh luôn nằm trong giới hạn cho phép

của NHNN, trong đó cao nhất là năm 2013 (1,8%), các năm tiếp theo OCB Đắk Lắk luôn cố gắng trong việc quản lý nợ xấu, đảm bảo an toàn cho các khoản vay và tỷ lệ nợ xấu được giảm xuống dưới 0,5%. Trong suốt năm 2015, nợ đủ tiêu chuẩn luôn chiếm tỷ trọng trên 97%, nợ cần chú ý có xu hướng giảm từ 2,16% trong đầu năm xuống còn 1,75% tại thời điểm 31/12/2015, nợ xấu là 0,37%.

2.3.2. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu.

Bảng 2.3 Mức giảm tỷ lệ nợ xấu tại OCB Đắk Lắk

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tăng trưởng	
				14/13	15/14
Tổng dư nợ KHDN	252.215	578.100	998.220	129%	73%
Nợ xấu	4.115	3.187	882	-23%	-72%
Tỷ lệ nợ xấu	1,63%	0,55%	0,09%	-66%	-84%
Nợ nhóm 2 – 5	4.542	8.537	4.401	88%	-48%
Tỷ lệ nợ nhóm 2 -5	1,80%	1,48%	0,44%	-18%	-70%

(Nguồn: OCB Đắk Lắk)

Nợ xấu của OCB Đắk Lắk có xu hướng giảm xuống cả về giá trị cũng như tỷ lệ, theo đó tỷ lệ nợ xấu luôn được đảm bảo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Riêng trong năm 2014, giá trị nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5 của đơn vị tăng lên 88% (tương đương với 3.995 triệu đồng so với năm 2013) tuy nhiên do trong năm này tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp tăng lên 129% nên về tỷ lệ lại giảm xuống (giảm 18%) và thấp hơn nhiều so với tỷ lệ cho phép của Ngân hàng Nhà nước. Đến cuối năm 2015, tình hình nợ xấu cũng như nợ quá hạn tại OCB Đắk Lắk đã giảm xuống một cách ấn tượng cả về giá trị lẫn tỷ lệ so với các năm trước đó trong bối cảnh quy mô cho vay vẫn tăng trưởng mạnh mẽ. Để đạt được điều này đó là nhờ việc OCB Đắk Lắk chú trọng công tác kiểm soát chất lượng tín dụng, đặc biệt chú ý

đến nhóm nợ quá hạn, tập trung duy trì tỷ lệ dưới 2%/tổng dư nợ đối với nhóm này.

❖ Từ ngày thành lập đến nay, hoạt động tín dụng của chi nhánh chưa thực hiện xoá nợ cho khoản vay nào của doanh nghiệp.

2.3.3. Mức giảm tỷ lệ lãi treo

Bảng 2.4. Mức giảm tỷ lệ lãi treo tại OCB Đắk Lắk

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ lệ thay đổi (%)	
				2014/2013	2015/2014
Lãi treo phát sinh	5.971	6.224	6.916	4%	11%
Lãi treo thu được	2.516	3.065	4.833	22%	58%
Lãi treo tồn đọng	3.455	3.159	2.083	-9%	-34%

(Nguồn: OCB Đắk Lắk)

Qua bảng số liệu có thể thấy tỷ lệ lãi treo phát sinh tăng lên trong suốt giai đoạn phân tích, tuy nhiên tỷ lệ tăng lãi treo vẫn thấp hơn tỷ lệ tăng về tổng dư nợ. Các chỉ tiêu lãi treo thu được tăng lên và lãi treo tồn đọng cuối kỳ giảm xuống thể hiện hướng tích cực cho tình hình rủi ro cho vay doanh nghiệp và lợi nhuận từ hoạt động này không còn bị ảnh hưởng nhiều.

2.3.4. Tỷ lệ dự phòng rủi ro cụ thể trong cho vay DN

Bảng 2.5 Tỷ lệ dự phòng rủi ro trong cho vay DN tại OCB Đắk Lắk

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
Dư nợ	252.215	578.100	998.220
Trích lập DPRR trong năm	785	4.155	3.418
Dự phòng rủi ro cuối năm	2.525	3.986	5.388
Dự phòng rủi ro chung	1.261	2.891	4.991
Dự phòng rủi ro cụ thể	1.264	1.095	397
Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro	1,00%	0,69%	0,54%
Tỷ lệ DPRR cụ thể/DPRR cuối năm	50,06%	27,47%	7,37%

(Nguồn: OCB Đắk Lắk)

Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro hàng năm có xu hướng giảm xuống rõ rệt trong giai đoạn phân tích, đến năm 2015 chỉ còn khoảng 0,54% (chỉ bằng ½ so với thời điểm năm 2013).

So với năm 2013, giá trị trích lập dự phòng rủi ro tăng lên 2,853 tỷ đồng. Việc trích lập dự phòng rủi ro tăng lên về mặt giá trị là do trong giai đoạn này hoạt động cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng lên mạnh mẽ, dư nợ cuối năm 2015 tăng gấp 4 lần so với năm 2013, do đó tỷ lệ trích lập dự phòng chung tăng lên 3,73 tỷ đồng và dự phòng cụ thể giảm 867 triệu đồng.

Tỷ lệ dự phòng cụ thể trong cho vay DN trên tổng dư nợ cho vay DN giảm xuống trong suốt giai đoạn phân tích cho thấy hoạt động cho vay doanh nghiệp trong giai đoạn này đang mang lại hiệu quả, tỷ lệ rủi ro là rất thấp.

2.4. ĐÁNH GIÁ CHUNG HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT RỦI RO TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

2.4.1. Những mặt thành công.

- Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát dưới 1% tổng dư nợ.
- OCB Đắk Lắk chưa phải thực hiện xóa nợ rỗng cho các khoản vay với nhóm khách hàng doanh nghiệp.
- Việc tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro hàng năm giảm xuống.

2.4.2. Những mặt hạn chế

- Đã có quy định từng nội dung kiểm soát trong quy trình cho vay và cho từng bộ phận tham gia vào quá trình cấp tín dụng thực hiện còn sơ sài, chưa đảm bảo chất lượng, còn nhiều sai sót.

- Chi nhánh chưa đưa ra các giới hạn an toàn, hạn mức tín dụng đối với các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh có mức độ rủi ro cao dẫn đến việc dư nợ cho vay hiện tại đang tập trung vào một số ngành và doanh nghiệp lớn.

- Tỷ lệ cho vay trung dài hạn có xu hướng tăng lên cả về giá

trị cũng như tỷ lệ trên tổng dư nợ, điều này sẽ tạo áp lực về mặt rủi ro về lâu dài đối với hoạt động cho vay tại chi nhánh khi có những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của khách hàng hoặc trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước thay đổi các chính sách.

- Nguồn gốc số liệu của báo cáo tài chính chưa đáng tin cậy do khá ít báo cáo tài chính được kiểm toán và thiếu sự minh bạch làm ảnh hưởng đến việc chấm điểm và xếp hạng tín dụng của DN.

- Công tác nhận diện các dấu hiệu cảnh báo sớm chưa được triển khai thực hiện một cách chủ động trong hoạt động cho vay tại chi nhánh, chưa thực sự đi sâu vào hoạt động kiểm soát sau giải ngân, từ đó thiếu các thông tin về khách hàng, về dài hạn có thể bị động trong việc ứng phó với các RRPS trong hoạt động cho vay.

2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế

a. Nguyên nhân chủ quan

- Chưa xây dựng được các báo cáo phân tích ngành trên địa bàn hoạt động.

- Chưa có bộ phận quản lý rủi ro riêng việt, bộ phận cho vay doanh nghiệp chuyên trách riêng.

- Chưa xây dựng được hệ thống cung cấp thông tin, cảnh báo tín dụng bài bản và đầy đủ để hỗ trợ, phục vụ cho công tác thẩm định và kiểm soát rủi ro.

- Sự tuân thủ quy trình tín dụng của Chi nhánh có những thời điểm chưa nghiêm và thiếu thận trọng, hoạt động cho vay vẫn dễ xảy ra sai sót.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực chưa được chuẩn bị kịp thời, một số chuyên viên có năng lực hạn chế, dẫn đến các sai sót trong quá trình cho vay.

- Chính sách tín dụng còn hạn chế, một số điểm chưa phù hợp với thực tế: chính sách lãi suất áp dụng chưa linh hoạt; chính sách về tài sản đảm bảo còn lỏng lẻo.

- Các phương thức kiểm soát chưa được thực hiện đầy đủ, triển khai chưa hiệu quả.

b. Nguyên nhân khách quan

- Do sức ép cạnh tranh gay gắt, áp lực mở rộng tín dụng, tăng thị phần đã làm cho ngân hàng nói lỏng và hạ thấp tiêu chuẩn, điều kiện cấp tín dụng.

- Do quy mô hoạt động của chi nhánh còn nhỏ nên hạn chế về nguồn lực, công nghệ.

- Nguyên nhân do ảnh hưởng bởi tình hình kinh tế trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, thời gian vừa qua xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, dẫn đến hoạt động của các doanh nghiệp trở nên khó khăn, thua lỗ, ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng doanh nghiệp tại các ngân hàng.

- Môi trường cung cấp thông tin thiếu và khó kiểm chứng.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG CHI NHÁNH ĐẮK LẮK

3.1. CÁC CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

3.1.1. Định hướng tín dụng OCB Đắk Lắk

3.1.2. Dự báo các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kiểm soát trong thời gian tới

3.1.3. Mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại OCB Đắk Lắk

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM SOÁT RỦI RO TÍN DỤNG TRONG CHO VAY DOANH NGHIỆP TẠI OCB ĐẮK LẮK

3.2.1. Hoàn thiện nội dung của từng phương thức kiểm soát

a. Né tránh rủi ro

- Nâng cao chất lượng thẩm định
- Thẩm định tình hình quan hệ tín dụng
- Thẩm định về hoạt động kinh doanh của khách hàng
- Thẩm định tình hình tài chính

b. Ngăn ngừa rủi ro

- Kiểm soát chặt chẽ mục đích sử dụng vốn
- Định kỳ tổ chức rà soát đánh giá chất lượng danh mục tín dụng.
- Cần chủ động tổ chức thực hiện thường xuyên hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại chi nhánh

c. Giảm thiểu rủi ro.

- Sử dụng điều khoản hợp đồng để hạn chế rủi ro.
- Thời gian cho vay, phân kỳ trả nợ vay sát hơn so với đặc điểm, chu kỳ kinh doanh của khách hàng.
- Nâng cao công tác quản lý tài sản bảo đảm.

- Mặc dù trong nội bộ OCB chưa có quy định về chính sách áp dụng lãi suất cho vay căn cứ theo mức độ rủi ro của khoản vay nhưng để giảm thiểu rủi ro trong hoạt động cho vay, chi nhánh cần chủ động bổ sung thêm chính sách cộng thêm phần bù rủi ro vào lãi suất cho vay.

d. Chuyển giao rủi ro và đa dạng hóa rủi ro

- Mua bảo hiểm tài sản, mua bảo hiểm tín dụng
- Sử dụng công cụ phái sinh
- Đa dạng hóa trong cho vay nhằm phân tán rủi ro
- Không tập trung cấp tín dụng cho một ngành, một lĩnh vực hay một khu vực:
 - Không nên dồn vốn đầu tư vào một hoặc một số khách hàng.
 - Đa dạng hoá các sản phẩm tín dụng.
 - Cho vay đồng tài trợ.

3.2.2. Xây dựng được hệ thống các dấu hiệu cảnh báo khoản vay có vấn đề nhằm có hướng xử lý kịp thời trước khi xảy ra tổn thất

Rủi ro tín dụng ẩn chứa trong các khoản cho vay có vấn đề, được biểu hiện bằng nhiều dấu hiệu. Qua thực tiễn hoạt động tín dụng và đánh giá các khoản vay quá hạn, có thể rút ra một số dấu hiệu cơ bản của người đi vay và chính đó là những cảnh báo đối với cán bộ tín dụng, với ngân hàng. Việc hệ thống hóa được các dấu hiệu này một cách cụ thể là thực sự quan trọng giúp ngân hàng có những kế hoạch hành động nhanh chóng, hiệu quả, giảm thiểu được rủi ro.

3.2.3. Nâng cao chất lượng nhân lực phục vụ cho hoạt động kiểm soát rủi ro

Chi nhánh cần thông qua quá trình tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, nuôi dưỡng một đội ngũ cán bộ chuyên môn hoá và có kinh nghiệm về quản lý RRTD, cần thường xuyên phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng kiến thức để nâng

cao năng lực đánh giá, đo lường, phân tích RRTD cho cán bộ thẩm định.

3.2.4. Xây dựng và hoàn thiện chính sách tín dụng

OCB Đắk Lắk cần xây dựng được chính sách tín dụng dựa trên định hướng phát triển của chi nhánh và định hướng phát triển tín dụng của hệ thống, đánh giá thực trạng và dự báo xu hướng phát triển của địa phương cũng như của các ngành kinh tế trên địa bàn.. Bên cạnh đó, chi nhánh cần hạn chế việc cho vay ngoài địa bàn nhằm kiểm soát tốt nhất các khoản vay, đẩy mạnh hoạt động cho vay ngắn hạn nhằm giảm tỷ lệ cho vay trung dài hạn theo quy định tại Thông tư 06/2016/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành.

3.2.5. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin hỗ trợ cho công tác thẩm định và quản lý khoản vay

Xây dựng một bộ phận chuyên xử lý và lưu trữ thông tin khách hàng, thị trường và có những dự báo, cảnh báo định hướng để làm nguồn dữ liệu cho các bộ phận khác tham khảo khi có nhu cầu. OCB Đắk Lắk phải xây dựng diễn đàn trao đổi những tình huống thực tế để mọi người cùng trao đổi, học tập và rút kinh nghiệm, tránh lặp lại những thiếu sót đã từng gây rủi ro trước đây.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI HỘI SỞ NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG

3.3.1. Kiến nghị với hội sở chính

- Nên xây dựng chính sách trong cho vay đối với doanh nghiệp một cách chặt chẽ, đặc biệt là quy định về cho vay có tài sản đảm bảo là hàng tồn kho và khoản phải thu áp dụng đối với khách hàng doanh nghiệp.

- Xây dựng bộ phận thu thập, hệ thống hóa và cập nhật thông tin vĩ mô của nền kinh tế, thông tin về ngành nghề lĩnh vực kinh doanh về: Giá cả, thị trường, tình hình phát triển ngành nghề, quy hoạch vùng miền, thế mạnh, xu hướng sản phẩm, ... để có thông tin

giúp công tác thẩm định cho vay thuận lợi và tin cậy hơn.

- Thành lập Phòng/Bộ phận thuộc Khối Khách hàng doanh nghiệp chuyên thực hiện các báo cáo phân tích chi tiết ngành kinh tế để hỗ trợ các đơn vị kinh doanh trong việc xây dựng định hướng phát triển tín dụng phù hợp cũng như hỗ trợ được cán bộ tín dụng các thông tin chuyên ngành mà để tìm hiểu

- Xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo sớm rủi ro tín dụng các trường hợp: cho vay vượt thẩm quyền phán quyết, nghi ngờ đảo nợ, khách hàng mới thành lập, không đủ tài sản đảm bảo theo quy định, cho vay lòng vòng nhóm khách hàng có liên quan, khác hàng không hoạt động kinh doanh, chia tách và chia nhỏ dự án để quyết định cho vay trong thẩm quyền, cho vay trùng lặp giữa các chi nhánh.

- Xây dựng một bộ phận giám sát khoản vay và thu hồi nợ độc lập chịu sự quản lý trực tiếp từ Giám đốc chi nhánh nhằm hạn chế tối đa phát sinh nợ xấu và nâng cao hiệu quả xử lý nợ xấu.

- Hoàn thiện hệ thống phân loại khách hàng vay vốn bổ sung thêm phân khúc về nhóm ngành để có các chính sách tín dụng phù hợp hơn với địa bàn hoạt động của từng đơn vị kinh doanh, từ kết quả này xây dựng lại giới hạn cấp tín dụng theo từng phân khúc khách hàng và nhóm ngành kinh tế.

- Xây dựng chính sách về lãi suất cho vay theo hướng bổ sung thêm phần bù rủi ro đối với các khoản vay có mức độ rủi ro cao hơn

3.3.2. Kiến nghị đối với ngân hàng nhà nước

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật ngân hàng

- Điều hành chính sách tiền tệ hiệu quả

- Công tác thanh tra, giám sát.

- Đề xuất với chính phủ phê duyệt việc thay đổi cách thức mua bán nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của Các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo hướng hỗ trợ các Tổ chức tín dụng trong việc xử lý

nợ xấu, giảm tỷ lệ trích lập dự phòng đối với các khoản trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành khi mua nợ xấu tại các Tổ chức tín dụng, đẩy mạnh hoạt động mua nợ theo giá thị trường.

3.3.3. Kiến nghị đối với chính phủ

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, không ngừng tạo ra môi trường pháp lý lành mạnh để khuyến khích sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp, đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng cho các ngân hàng.

- Trong hoạch định chính sách, không những cần cân đối giữa các mục tiêu phát triển kinh tế và ổn định tiền tệ mà còn phải quan tâm đến sự phát triển bền vững của các NHTM, tránh tình trạng thất chặt hoặc nới lỏng quá mức, thay đổi định hướng đột ngột sẽ gây ảnh hưởng không nhỏ đến lợi ích của NHTM.

+ Cần rà soát các văn bản chồng chéo, thiếu đồng bộ, không còn phù hợp với thực tế để hệ thống các văn bản của ngành có tính pháp lý cao hơn chứ không đơn thuần hướng dẫn nghiệp vụ.

+ Hoàn thiện hơn nữa các quy định pháp lý liên quan đến bảo đảm tiền vay, để một khi NH thực hiện đầy đủ các thủ tục công chứng, đăng ký đối với tài sản đảm bảo thì có thể xử lý nợ, thu hồi nợ bằng việc thanh lý tài sản đảm bảo một cách nhanh chóng.

+ Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật như hệ thống thông tin, kiểm toán, kế toán theo chuẩn mực quốc tế, .. thúc đẩy kinh tế phát triển ổn định, tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của NHTM nói riêng phát triển an toàn, bền vững để hội nhập quốc tế.

- Phê duyệt việc thay đổi cách thức mua bán nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của Các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo hướng hỗ trợ các Tổ chức tín dụng trong việc xử lý nợ xấu, giảm tỷ lệ trích lập dự phòng đối với các khoản trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành khi mua nợ xấu tại các Tổ chức tín dụng, đẩy mạnh hoạt động

mua nợ theo giá thị trường.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi nhằm phát triển lĩnh vực kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, từ đó hỗ trợ được hoạt động của VAMC trong việc giải quyết các khoản nợ xấu đã được mua lại.

KẾT LUẬN

Kiểm soát rủi ro tín dụng là một phần của nội dung quản trị rủi ro, hoạt động này gắn liền với việc thực hiện quy trình cho vay, quản lý nợ vay các khoản vay cụ thể của cán bộ trong lĩnh vực cấp tín dụng tại các chi nhánh kinh doanh trực tiếp. Trong công tác quản trị rủi ro tín dụng, có thể nói hoạt động kiểm soát rủi ro là bước mang tính triển khai thực hiện trực tiếp.

Tuy nhiên do tác động của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan nên hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng tại chi nhánh vẫn còn nhiều mặt hạn chế và những khó khăn vướng mắc ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Chính những vướng mắc và khó khăn trong thực hiện nên hoạt động kiểm soát rủi ro tín dụng chưa đạt được chất lượng theo yêu cầu, còn nhiều tồn tại đã dẫn đến chất lượng tín dụng giảm. Đây là vấn đề đặt ra không chỉ đối với các NHTM mà còn đòi hỏi sự quan tâm đúng mức, kịp thời và sự phối hợp giải quyết của các cơ quan chức năng.

Nội dung đề tài tập trung vào việc phân tích thực trạng tình hình kiểm soát rủi ro tín dụng, trong đó nhấn mạnh đến cho vay đối tượng là doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Phương Đông Chi nhánh Đắk Lắk để tìm ra các ưu điểm, nhược điểm và những khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện, từ đó đưa ra hướng hoàn thiện góp phần nâng cao chất lượng kiểm soát rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Nội dung đề xuất các giải pháp hoàn thiện đặc biệt chú trọng vào những nội dung trong phạm vi mà tại chi nhánh có thể thực hiện được, ngoài ra còn có một số đề xuất đối với Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ.